Trường Đại học Xây dựng
Phòng Đào tạo

Mẫu in D1240

BẢNG ĐIỂM

Học Kỳ 1 - Năm Học 17-18

Môn học/Nhóm: **Thiết kế ý tưởng 2 (331655) - 60KD3** Số tín chỉ: 1

Ngày thi: **/ /** **Phòng thi**

STT	Mã SV	Họ và Tên		Lớp Q.Lý	ĐQT	ĐKT	Ghi chú
1	2000560	Đỗ Thị Quỳnh	Anh	60KD3	6.5	6.5	
2	2016960	Nguyễn Hoàng	Anh	60KD3	7.5	7.5	
3	2019460	Trần Duy	Anh	60KD3	6.5	6.5	
4	2012760	Nguyễn Ngọc	Bộ	60KD3	6	6	
5	2040060	Lê Thị Minh	Châu	60KD3	5.5	5.5	
6	2033660	Đỗ Đăng	Chung	60KD5	6.5	6.5	
7	2022260	Trần Tiến	Công	60KD3	7	7	
8	2019660	Trần Việt	Cường	60KD3	6	6	
9	2007560	Đỗ Văn	Diệm	60KD3	6	6	
10	2013360	Lê Văn	Dũng	60KD3	5.5	5.5	
11	2043660	Bùi Quang	Duy	60KD3	4.5	4.5	
12	2012660	Vũ Ngọc	Hải	60KD3	6.5	6.5	
13	2020660	Nguyễn Thị	Hạnh	60KD3	7	7	
14	2014060	Trần Đức	Hậu	60KD3	7	7	
15	2042060	Đào Minh	Hiếu	60KD3	5.5	5.5	
16	2021060	Đỗ Văn	Huy	60KD3	6	6	
17	2002560	Trần Quang	Huy	60KD3	6	6	
18	2037660	Nguyễn Bá	Hưng	60KD3	6.5	6.5	
19	2018260	Lê Công	Khanh	60KD3	0	v	
20	2029760	Trần Vân	Long	60KD3	0	v	
21	2034260	Phan Viết	Lộc	60KD3	7.5	7.5	
22	2015460	Trần Văn	Mạnh	60KD3	6	6	
23	2041360	Vũ Thị Hằng	Nga	60KD3	6	6	
24	2018460	Hoàng Hải	Ninh	60KD3	6.5	6.5	
25	2003760	Nguyễn Trọng	Phan	60KD3	7	7	
26	2048660	Mai Ngọc	Phương	60KD3	6.5	6.5	
27	2027760	Nguyễn Bích	Phương	60KD3	5.5	5.5	
28	2012560	Hoàng Văn	Quang	60KD3	6.5	6.5	
29	2007760	Trần Mạnh	Quang	60KD3	6.5	6.5	
30	2021460	Nguyễn Minh	Quân	60KD3	6.5	6.5	
31	2011260	Nguyễn Trọng	Sang	60KD3	7.5	7.5	
32	2049260	Lê Hoàng	Sơn	60KD3	6	6	

33	2049760	Nguyễn Nhật	Tân	60KD3	7	7	
34	2035160	Bùi Thị	Thảo	60KD3	7	7	
35	2013456	Đỗ Xuân	Thắng	56KD2	7	7	
36	2019560	Phạm Ngọc	Thế	60KD3	6.5	6.5	
37	2015960	Nguyễn Thế	Thi	60KD3	0	v	
38	2048960	Mai Trọng	Thuật	60KD3	6	6	
39	2006660	Lê Thị	Thùy	60KD3	7.5	7.5	
40	2045160	Chu Khánh	Trường	60KD3	6	6	
41	2081359	Phạm Thanh	Tùng	59KD1	7.5	7.5	

Ghi chú :

- Điểm quá trình (ĐQT)
- Điểm kết thúc (ĐKT)

(Tính theo thang điểm 10, làm tròn đến 0.1)

Ngày ..... Tháng ..... Năm.....

Giảng viên đánh giá
(Ký và ghi rõ họ tên)

Trưởng bộ môn
(Ký và ghi rõ họ tên)